

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày 14/5/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2017/TLST- HĐVTS ngày 20/12/2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/QĐXX - DS ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L1 sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1 sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N1, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị A sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N1, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2017, tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L1 trình bày: Trong thời gian từ tháng 27/02/2013 đến 29/11/2013 bà có cho anh T1 vay tổng số tiền là 515.000.000đ, cụ thể các lần vay như sau: ngày 27/02/2013 vay 70.000.000đ, ngày 17/6/2013 vay 300.000.000đ, ngày 14/7/2013 vay 100.000.000đ, ngày 29/11/2013 vay 45.000.000đ. Hai bên có lập giấy vay tiền và thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán khi nào bà cần số tiền trên thì báo trước 1 tháng thì anh T1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền trên. Số tiền vay trên anh T1 sử dụng

vào xây dựng công trình đường bê tông cho xã T. Sau một thời gian thì anh T1 có trả cho bà được 30.000.000đ tiền lãi, sau đó anh T1 không trả bà thêm được đồng lãi nào nữa. Đến khi bà cần số tiền gốc trên để sử dụng vào việc gia đình yêu cầu anh T1 trả thì anh T1 không có mặt tại địa phương nữa. Từ đó cho đến nay bà cũng không liên lạc được với anh T1, anh T1 cũng không trả cho bà được gốc và lãi. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc anh T1 trả cho bà số tiền gốc 515.000.000đ, bà không yêu cầu anh T1 trả lãi suất. Trong bản tự khai ngày 22/12/2017 bà có đề nghị Tòa án buộc cả chị A là vợ anh T1 cùng có trách nhiệm trả bà số tiền trên. Nay bà không đề nghị chị A phải có trách nhiệm cùng với anh T1 trả bà số tiền trên nữa.

Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T1 không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thông báo lên đài tiếng nói Việt Nam, Báo Công L1 của Tòa án tối cao và niêm yết các loại văn bản tố tụng cho anh T1 theo quy định của pháp luật. Nhưng đến nay anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị A trình bày tại bản tự khai: Chị là vợ anh T1, việc anh T1 vay của bà L1 tổng số tiền là 515.000.000đ, số tiền anh T1 vay trên cũng không nói với chị, việc anh T1 sử dụng số tiền trên vào mục đích gì chị không được biết. Nếu bà L1 đề nghị chị có trách nhiệm cùng với anh T1 trả số tiền anh T1 vay 515.000.000đ chị không nhất trí, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến, thư ký, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, người liên quan chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của đương sự theo bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án và đề nghị:

Áp dụng các Điều 471; 474; 477 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015; Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc anh Nguyễn Hữu T1 phải thanh toán trả cho bà Trần Thị L1 tổng số tiền gốc là 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng).

Án phí: Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu 24.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo lên Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Công lý theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa, chị Trần Thị A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227; 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị L1 ở thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có cho anh Nguyễn Hữu T1 ở thôn N1, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang vay tổng số tiền là 515.000.000đ. Cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 27/02/2013 vay 70.000.000đ

Ngày 17/6/2013 vay 300.000.000đ

Ngày 14/7/2013 vay 100.000.000đ

Ngày 29/11/2013 vay 45.000.000đ

Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền theo bà L1 trình bày, về thời hạn thanh toán và lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng với lãi suất 1,5%/tháng và khi nào bà L1 cần số tiền trên báo trước 1 tháng thì anh T1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền gốc. Sau khi vay một thời gian thì anh T1 có trả cho bà L1 được 30.000.000đ tiền lãi suất, sau đó anh T1 không trả tiếp cho bà L1 được tiền lãi và tiền gốc nữa. Đến khi bà L1 cần số tiền trên để sử dụng có yêu cầu anh T1 trả tiền gốc và tiền lãi suất nhưng anh T1 đã không có mặt tại địa phương và anh T1 đã đi làm ăn ở đâu bà cũng không được biết. Nay bà L1 đề nghị Tòa án buộc anh T1 phải thanh toán trả cho bà tổng số tiền gốc là 515.000.000đ, bà không yêu cầu anh T1 trả lãi suất. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T1 không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các loại văn bản tố tụng và thông báo lên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý Tòa án tối cao nhưng đến nay anh T1 vẫn không đến Tòa án làm việc và không có mặt tại phiên tòa.

HĐXX xét thấy: Mặc dù không lấy được lời khai của anh T1 nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định anh T1 vay của bà L1 tổng số tiền là 515.000.000đ là đúng. Nay bà L1 yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm thanh toán trả bà L1 tổng số tiền gốc là 515.000.000đ. Xét thấy yêu cầu của bà L1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Nguyên nhân phát sinh vụ kiện là do phía anh T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà L1. Nay bà L1 yêu cầu anh T1 phải thanh toán trả tổng số tiền gốc là 515.000.000đ. Xét thấy yêu cầu của bà L1 là có căn cứ cần chấp nhận do vậy buộc anh T1 phải có trách nhiệm trả cho bà L1 tổng số tiền gốc là 515.000.000đ.

[3] Do bà L1 không yêu cầu anh T1 thanh toán trả tiền lãi suất và không yêu cầu chị A phải có trách nhiệm cùng anh T1 thanh toán trả bà số tiền gốc trên, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tiền chi phí thông báo lên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý: Bà L1 xin chịu cả toàn bộ tiền chi phí thông báo lên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý. Bà L1 đã nộp đủ, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà L1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; 474; 477 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Buộc anh Nguyễn Hữu T1 phải thanh toán trả cho bà Trần Thị L1 tổng số tiền gốc là 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

2/ Án phí: Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu 24.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị L1 số tiền 13.000.000đ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại chi cục thi hành án huyện L ngày 29/12/2017 theo biên lai thu số AA/2017/0002924.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án, nhận được kết quả bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh ;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- Ng⊔đi tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn

